TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ NGÃ NĂM** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 36/2025/HNGĐ-ST Ngày: 28/5/2025 V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGÃ NĂM – TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Vàng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Huy Sơn

Bà Lê Thị Thúy Kiều

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Thạch Thị Diễm Trinh, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa***: Bà Lê Ngọc Niềm - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 5 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 25/2025/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2025 về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 92/2025/QĐXXST – HNGĐ ngày 18 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trương L, sinh năm 1991. (Có mặt)

Địa chỉ: ấp M, xã L, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

Chỗ ở hiện nay: ấp MT, xã M, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn C, sinh năm 1987. (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp M, xã L, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1/ Theo đơn khởi kiện lập ngày 10/02/2025, quá trình tố tụng nguyên đơn bà Trương L trình bày:

Bà và ông Nguyễn C có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn vào ngày 24/02/2009 tại Ủy ban nhân dân xã L, thị xã N, tỉnh S. Thời gian đầu vợ chồng bà sống rất hạnh phúc, nhưng thời gian về sau vợ chồng bà thường xuyên xảy ra mâu thuẫn với nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, ông C hay ghen tuông, không cho bà tiếp xúc với bạn bè, bà thấy tình cảm giữa hai vợ chồng không còn, không thể tiếp tục cuộc sống hôn nhân, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu

thuẫn vợ chồng bà không ai biết, bà và ông C đã ly thân với nhau từ sau tết nguyên đán năm 2025 đến nay không còn liên lạc với nhau. Nay bà giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn C.

Về con chung: Bà và ông Nguyễn C có hai con chung tên Nguyễn A, sinh ngày 07/9/2009 và Nguyễn B, sinh ngày 04/5/2014, hiện nay các cháu đang sống với ông bà nội cháu ở ấp M, xã L, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng. Cháu A hiện đã nghỉ học và đang học nghề sửa xe tại chợ Ngã Năm, còn cháu B thì cũng đã hết năm lớp 4, hôm nay cháu tổng kết trường rồi nghỉ hè, bà sẽ đưa cháu đi theo bà chơi hè, khi ly hôn với ông C thì bà có hỏi ý kiến của các con, cháu A thì đồng ý sống chung với cha, tiếp tục ở bên nhà nội nên bà thống nhất giao cháu A cho ông C nuôi dưỡng và bà không cấp dưỡng nuôi cháu A; còn cháu B thì có ý kiến nguyện vọng muốn sống với bà nên bà yêu cầu được nuôi cháu B, không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ và chồng: không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

2/ Bị đơn ông Nguyễn C đã được Tòa án thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn không trình bày ý kiến gửi đến Toà án, cũng không đến Tòa án tham gia phiên tòa.

3/ Tại phiên tòa, vị Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ và đưa vụ án ra xét xử đúng trình tự thủ tục của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đúng thành phần, thực hiện đầy đủ các thủ tục, trình tự khi xét xử vụ án. Nguyên đơn có mặt đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự còn bị đơn vắng mặt không rõ lý do là chưa chấp hành đúng quy định của BLTTDS.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Kiểm sát viên phát biểu về tính có căn cứ và yêu cầu của nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận cho bà Trương L được ly hôn với ông Nguyễn C. Về con chung: Giao cháu Nguyễn A, sinh ngày 07/9/2009 cho ông C nuôi dưỡng; Giao cháu Nguyễn B, sinh ngày 04/5/2014 cho bà L nuôi dưỡng; Dành quyền thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung cho ông C và bà L theo quy định của pháp luật. Về nợ chung, tài sản chung và nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn, các đương sự không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn ông Nguyễn C vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không rõ lý do. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt ông C.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn C và bà Trương L là những người có đầy đủ điều kiện kết hôn, ông bà tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân

dân xã L, thị xã N, tỉnh S và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn. Do vậy quan hệ hôn nhân giữa ông C và bà L là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Trong cuộc sống hôn nhân giữa ông C và bà L, theo bà L cho rằng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, ông C hay ghen tuông, không cho bà tiếp xúc với bạn bè của bà, bà L cũng đã ly thân với ông C từ tháng 01/2025 đến nay không còn liên lạc, bà thấy tình cảm giữa hai vợ chồng không còn, không thể tiếp tục sống chung với nhau như vợ chồng được nữa nên nhất định giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn C. Quá trình tố tụng ông C đã được Tòa án triệu tập tham gia hòa giải nhằm hàn gắn tình cảm vợ chồng ông bà nhưng ông C vẫn cố tình không đến Tòa án để tham gia, bỏ mặc đối với yêu cầu ly hôn của bà Loan. Xét thấy, nền tảng của mối quan hệ hôn nhân vững chắc là việc vợ chồng yêu thương nhau, quan tâm, chăm sóc nhau, tin tưởng và tôn trọng lẫn nhau. Trong cuộc sống vợ chồng của ông C và bà L đã không còn sự quan tâm dành cho nhau, ly thân từ tháng 01/2025 đến nay không còn liên lạc với nhau, tình trạng mâu thuẫn giữa ông C và bà L là trầm trọng không thể khắc phục. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà L, cho bà L được ly hôn với ông C.

[3] Về con chung: Ông Nguyễn C và bà Trương L có hai con chung là cháu Nguyễn A, sinh ngày 07/9/2009 và Nguyễn B, sinh ngày 04/5/2014, theo bà L trình bày thì hiện nay cháu A và cháu B đang sống chung với ông Chích và ông bà nội của các cháu, bà L đồng ý giao cháu A cho ông C tiếp tục nuôi dưỡng và yêu cầu được nuôi cháu B, ông C không có ý kiến phản đối, cháu A và cháu B hiện nay đều hơn 07 tuổi, cháu C có nguyện vọng được ở với cha là ông C; còn cháu B có nguyện vọng được ở với mẹ là bà L. Xét thấy, tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: "*Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con"*. Giữa ông C và bà L không thỏa thuận được với nhau về việc giao con cho một bên cha hoặc mẹ nuôi dưỡng. Cháu A và cháu B hiện nay đều hơn 07 tuổi và đều thể hiện nguyện vọng của mình, cháu A thì đang học nghề sửa xe và có nguyện vọng muốn sống với cha là ông C; còn cháu B vẫn còn đang đi học và có nguyện vọng muốn sống với mẹ là bà L. Hội đồng xét xử nhận thấy nguyện vọng của cháu A và cháu B phù hợp với ý kiến và yêu cầu của bà L, còn ông C không có ý kiến gì, ưu tiên xem xét về nguyện vọng của các cháu. Và để không làm xáo trộn môi trường sống của các cháu và không làm ảnh hưởng đến tâm lý của các cháu cho nên Hội đồng xét xử quyết định giao cháu B cho bà L nuôi dưỡng đến đủ 18 (*mười tám*) tuổi; giao cháu A cho ông C nuôi dưỡng đến đủ 18 (*mười tám*) tuổi. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định pháp luật cho ông C và bà L đối với người con chung mà mình không trực tiếp nuôi dưỡng, không ai được quyền ngăn cản.

[4] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không ai yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng sau khi ly hôn: Các đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc bà Trương L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0009830 ngày 26/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã N, tỉnh Sóc Trăng. Ông Nguyễn C không phải chịu án phí.

[7] Đề nghị của Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm về hướng giải quyết vụ án nêu trong phần nội dung vụ án là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 266; Điều 271, Điều 273, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; khoản 2 Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương L.

1/ Về quan hệ hôn nhân: Bà Trương L được ly hôn với ông Nguyễn C.

2/ Về con chung: Giao cháu Nguyễn A, sinh ngày 07/9/2009 cho ông Nguyễn C chăm sóc, nuôi dưỡng đến đủ 18 (mười tám) tuổi và giao cháu Nguyễn B, sinh ngày 04/5/2014 cho bà Trương L chăm sóc, nuôi dưỡng đến đủ 18 (mười tám) tuổi. Ông Nguyễn C và bà Trương L đều có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung đối với người con chung không trực tiếp nuôi dưỡng theo quy định của pháp luật. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

3/ Về tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn: Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4/ Về án phí sơ thẩm: Bà Trương L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0009830 ngày 26/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã N, tỉnh Sóc Trăng. Ông Nguyễn C không phải chịu án phí.

5/ Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

6/ Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung.

***Nơi nhận*:**
- VKSND thị xã Ngã Năm;
- CCTHADS thị xã N;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- UBND xã L, TXNN, TST;
- Các đương sự;
- Lưu VT, Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Thị Vàng